

Số: 803/2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Thực hiện Thông báo số 150-TB/TU ngày 06 tháng 12 năm 2025 ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với

thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 428/BC-BPC ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Điều 2 Nghị quyết số 456/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Quy định mức hỗ trợ, bồi dưỡng; chế độ chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

- a) Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 1,0 mức lương cơ sở/người/tháng.
- b) Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 0,9 mức lương cơ sở/người/tháng.
- c) Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế

a) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ thêm 10% mức đóng Bảo hiểm xã hội hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn ngoài mức hỗ trợ được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

b) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Không áp dụng hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội đối với những người đang được hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội theo chế độ hưu trí hoặc các chế độ khác theo quy định.

3. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi làm nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 thì được hưởng mức bồi dưỡng là 70.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 07 ngày trong một tháng.

4. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự chưa tham gia Bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn dẫn đến chết khi thực hiện nhiệm vụ hoặc được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ theo các trường hợp được quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì thân nhân thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ngoài được hưởng trợ cấp theo quy định hiện hành; được hưởng trợ cấp tiền tuất bằng 32.000.000 đồng và trợ cấp tiền mai táng phí bằng 10.000.000 đồng.

Điều 4. Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi nghỉ công tác vì lý do chính đáng

1. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự nghỉ công tác do không đảm bảo một trong các tiêu chuẩn, điều kiện tiếp tục tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 13 và điểm b khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 thì được hưởng trợ cấp một lần như sau:

a) Có thời gian tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở liên tục từ đủ 15 năm trở lên: cứ mỗi năm công tác được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần của mức hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng.

b) Có thời gian tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở liên tục từ đủ 05 năm đến dưới 15 năm: cứ mỗi năm công tác được hưởng trợ cấp bằng 1,0 lần của mức hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng.

c) Có thời gian tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở liên tục từ đủ 01 năm đến dưới 05 năm: cứ mỗi năm công tác được hưởng trợ cấp bằng 0,5 lần của mức hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng.

2. Thời gian công tác liên tục được tính là tổng thời gian đảm nhiệm các chức danh Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và chuyển tiếp ngay sang lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự khi thực hiện sắp xếp kiện toàn, không tính thời gian đã được dùng làm căn cứ để hưởng trợ cấp theo các quy định khác trước đây.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh khác không dùng để tính mức trợ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và bãi bỏ Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 456/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ); Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Công an (V01, V03, V05);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{PT}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn